

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 04/01/2019.

“V/v: Ly hôn giữa chị U và anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Ông Hà Trung Thuật.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 04/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/8/2018 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Làng Đ, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Mai Nguyễn Tiến D, sinh năm 1993;

Địa chỉ: TDP 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị U có mặt, anh D lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Mai Nguyễn Tiến D qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/11/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Uyên trình bày là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; anh D không lo làm ăn xây dựng cuộc sống, một mình chị phải gánh vác tất cả nên rất vất vả, hiện chị đã về sống tại nhà cha mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh D được ly hôn với nhau.

Về phía anh D, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận là trong quá trình chung sống, giữa anh và chị U đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; việc chị U trình bày anh không có trách nhiệm với gia đình là không đúng, thời điểm chị U sinh con thì anh đi làm trên thành phố P, tỉnh Gia Lai nên không ở bên cạnh để chăm sóc chị U được. Mặt khác, do điều kiện kinh tế khó khăn, anh phải đi làm xa nên đôi lúc việc chu cấp tiền bạc cho chị U nuôi con cũng không được như ý muốn của chị U.

2. Về con chung: Chị U và anh D có 01 con chung tên Mai Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/3/2018. Sau khi ly hôn, chị U đề nghị giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng.

Về phía anh D, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh cũng đề nghị giao cháu L cho anh nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị U và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Quốc T (*bản sao*), 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Thị U (*bản sao*), 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Thị U -Mai Nguyễn Tiến D (*bản chính*).

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Mai Văn Đ (*bản photo*), 01 Trích lục khai sinh mang tên Mai Nguyễn Ngọc L (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị U và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/11/2017; anh chị có 01 con chung là cháu Mai Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/3/2018. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh chị giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Thị U-Mai Nguyễn Tiến D (*bản chính*) và Trích lục khai sinh mang tên Mai Nguyễn Ngọc L (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Nguyễn Thị U có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Mai Nguyễn Tiến D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị U và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/11/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị U trình bày là do anh chị không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; vợ chồng không tôn

trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; anh D không lo làm ăn xây dựng cuộc sống, một mình chị phải cày cấy tất cả nên rất vất vả, hiện chị đã về sống tại nhà cha mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Do thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị U đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về phía anh D, anh thừa nhận là giữa anh và chị U đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, tạo điều kiện cho chị U và anh D đoàn tụ gia đình nhưng anh D chỉ có mặt tại một phiên hòa giải, các phiên hòa giải khác anh luôn vắng mặt nên việc hòa giải không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình (HN&GD) năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U, xử cho chị U được ly hôn với anh D.

[3] **Về con chung:** Chị U và anh D có 01 con chung tên Mai Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/3/2018. Sau khi ly hôn, cả hai đương sự đều đề nghị được nuôi cháu L nhưng xét cháu L hiện đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn; vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị U, giao cháu L cho chị U nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Về yêu cầu và mức cấp dưỡng chị U đưa ra là 1.500.000 đồng/tháng là hợp tình, hợp lý nên anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu L với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Do chị U và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị U phải chịu án phí LH-ST là 300.000 đồng.

Anh D phải chịu án phí DS-ST (phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228 và 266 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U, xử cho chị U được ly hôn với anh Mai Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/3/2018 cho chị U trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả

năng lao động; anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với mức 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (THA) cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải THA theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị U phải chịu án phí LH-ST là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006599 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; chị U đã nộp đủ án phí LH-ST.

Anh D phải chịu án phí DS-ST là 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị U có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn và quyền kháng cáo của anh D là 15 ngày kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên